

# Một số vấn đề về tục hát sli, lượn của người Nùng ở Cao Bằng

HÀ THỊ THỦY\*

**S**li trong tiếng Nùng và trong Nôm Nùng có nghĩa là hát thơ (*thi/thơ*). Thực tế cho thấy, *sli* của người Nùng chính là những khúc hát thơ, một loại dân ca mà khi hát hay được xướng bằng giọng rất cao để nhiều người cùng nghe. Theo cách hiểu của người Nùng cũng như những ghi chép trong các sách Nôm Nùng, *sli*, được người Nùng hiểu như sau:

Chữ *sli*, tức chữ *thi/thơ* (đọc theo âm Nùng là *sli*) nghĩa là khúc ca bằng văn vần gồm nhiều câu ngắn, có vần, có âm điệu theo những quy tắc nhất định; *Sli* là những khúc hát của người trưởng thành, trẻ em chưa thể hiểu nổi, người già thì không tham gia nữa. Người Nùng ở Cao Bằng chỉ hát *sli* ở thời thanh xuân. Tuy vậy, những trung tuổi vẫn có thể *sli* nhưng tránh các khúc giao duyên, và chỉ hát những khúc hoan hỉ, ca ngợi công đức, phẩm chất cao quý của con người: mừng hội ngộ, mừng khách, mừng nhà mới, chúc thọ, nhân tình thế thái, cách tính ngày giờ, nông lịch,...

Điều tra ở Cao Bằng cho thấy, trong cộng đồng người Nùng ở đây, mỗi nhóm Nùng ở các địa phương khác nhau, có những cách gọi khác nhau đối với hát *sli*.

Nhóm Nùng Giang gọi là *tài sli* (*tài thi*), nâng cao câu thơ; nhóm Nùng Lò gọi là *này sli* (*mài thơ*), tức ngâm nga thưởng thức thơ; người Nùng La Hối gọi là *tóp sli*, có nghĩa đối đáp thơ,...

*\* Nguồn gốc và quá trình phát triển tục hát sli*

Người Nùng ở Cao Bằng dùng thuật ngữ *sli* để chỉ một bộ phận trong kho tàng dân ca truyền thống của họ. Thuật ngữ này được dùng khá phổ biến trong tất cả các nhóm Nùng ở Cao Bằng, và cả ở Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên,... Trong các cuộc *sli*, chính thức, theo lễ lối cổ truyền đều phải có hát *lượn*, trong các cuộc hát *lượn* lớn cũng đều phải có cả hát *sli*.

Xưa kia, người Nùng ở Cao Bằng cũng như nhiều tộc người ít người khác, họ sống trong những hoàn cảnh rất khó khăn. Tuy vậy, họ không bao giờ, không lúc nào chịu để cho tâm hồn mình cần cỗi. Đó là môi trường tồn tại của các thể loại dân ca, trong đó có hát *sli*. Ca hát để động viên cổ vũ lẫn nhau, ca hát cho bớt khổ đau, bớt nhọc nhằn và đặc biệt là để các thành viên trong cộng đồng gắn bó với nhau thêm chặt chẽ hơn. Tiếng *Sli* vang vọng trên các cánh đồng, trên nương,... và vang vọng

\* Ths. NSUT, Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội

trong khi cày cấy, đi rừng, đi hái rau, lấy củi,... *Sli* còn theo họ cả những lúc đi chơi, đi thăm hỏi nhau, khi vào bản, khi lên sàn,... *Sli* thường hay gặp vào các buổi tối, buổi đêm, nên người Nùng gọi đó là *đêm lượn*. *Đêm lượn* là các đêm hát có tổ chức, có chuẩn bị và rất đông người tham gia, với các nghi thức riêng của người Nùng. Ngoài các buổi hát ban đêm như trên, người Nùng ở Cao Bằng còn thường hát *Sli* với nhau khi đang làm ruộng, làm nương hoặc đang đi đường, thường là trên đường đi chợ hay ở chợ về. Đó là *Sli* ở ngoài trời. *Sli* ở ngoài trời thì không phải tổ chức cầu kỳ, không theo nghi thức truyền thống bắt buộc, đó là việc hát tự nhiên, tự phát và rất tự do.

Sống ở các thung lũng bị sông suối ngăn cách, giao thương kém phát triển, nên trong cộng đồng người Nùng ở Cao Bằng đã xuất hiện nhiều phương ngữ khác nhau. Có khi trong một vùng không rộng lắm cũng có một vài cách nói khác nhau. Vì lẽ đó dân ca nói chung và *sli*, *lượn* của người Nùng ở Cao Bằng cũng có những nét khác biệt ở mỗi vùng khác nhau. Ở Cao Bằng có *lượn phủ*, *lượn tại*, *lượn Nùng An*, *sli La Hối*, *sli Nùng Giang*. *Sli* có hai cách hát: hát đơn và hát đôi. Ở Cao Bằng loại hát đơn có *sli La Hối*, *lượn Cọi*, *lượn then*, *lượn sương*, *lượn tại*. Không kể những trường hợp kéo bạn vào hát cùng cho vui, như *lượn then* vốn hát đơn, có khi gặp bạn hai người cùng hát. Những điệu hát đôi truyền thống, hễ cất tiếng *tức lượn* hoặc *tài sli* luôn phải có đôi, giọng cao, giọng thấp nâng đỡ nhau. Có giai điệu ổn định, cung cách hát thành nền nếp từ lâu phải kể đến *Lượn Ngạn*,

*Lượn Phủ* (tức *lượn Hà Lều*), *Sli giang*, *Hều phượn* (tức *lượn* người Nùng An).

*Sli* có những đặc điểm riêng biệt trong trình diễn: không có nhạc đệm; mỗi đoạn ca gồm hai hoặc bốn câu, mỗi câu năm đến bảy từ; cách gieo vần khác nhau tùy từng loại;... Mở đầu có đoạn hư từ dạo trước, có thể là *í í í í* (*lượn phủ*), *ơ hờ* (*lượn Ngạn*), *chờ chờ* (*sli giang*); giữa câu lại có hư từ vút cao sau vần gieo nhằm gây chú ý; cuối câu có hư từ *lều* (nghĩa là hết) hoặc *hà lều hều đai hà lều* (biến thể một đoạn có nghĩa: kết rồi gọi xuống người hời). Khi hát mỗi người thường bịt một bên tai bằng tay, tai kia tập trung nghe giọng bạn hát, để điều chỉnh giọng mình cho phù hợp. *Sli* không thể diễn đạt hết tâm sự trai gái (*lượn giao duyên*). Không khi nào người ta hát vang những điều từ đáy lòng cho nhiều người nghe. Qua *sli lượn* nhằm làm quen, ướm thử lòng, thăm khảng định khả năng biến báo, trí thông minh, tài ứng đối của bạn khác giới. Sau *sli lượn*, nếu thuận ý, họ tản ra từng đôi trai gái gặp nhau trao đổi tâm tình. Lúc đầu còn e dè nói với nhau bằng văn vắn (tức phuối rọi), sau quen nói xuôi với nhau, không cần kiểu cách trung gian nào nữa. Hình thức *sli lượn* hát đôi xuất phát từ điều kiện sau: Do ý thức kết cấu cộng đồng của dân tộc ít người, lắm lúc hơi quá mức. Điều đó dễ nhận, nhiều khi gặp toán thanh niên nam nữ đi chợ, họ đều mặc trang phục thống nhất, giống nhau từ kiểu quần Áo, màu sắc, cách vấn khăn, thắt lưng, nón, giày, cả đến những bộ trang sức vòng xuyên, xà tích đều cùng một dạng. Tâm lý họ ngại những gì khác với thông thường, không muốn đơn độc nổi trội hơn xung quanh, luôn cần người có

trang phục, ăn nói tương tự, hỗ trợ mình.

Trong truyền thống, đi xa thường có bạn đi cùng, gặp trai gái bản lạ *bắt lượn* làm quen, vì thế hát đôi hình thành. Hát đôi tạo việc kết bạn làm quen dễ dàng và thuận lợi. Giả dụ có hai cô gái qua bản, trai bản mời lượn, hai cô khiêm tốn từ chối rằng lượn không thông thạo. Trai bản có thể nhờ một cô gái trong bản kèm lượn, mới đầu nhận đi giọng cao, mấy khúc sau đi giọng trầm, rồi trao hẳn cho khách. Đã vào *sli*, khách và chủ phải hát thâu đêm, phải lượn tới sáng. *Sli* như vậy, việc làm quen diễn ra nhanh chóng. Nhiều đôi thuận giọng nhau, dễ trở thành thân thiết, đi đến kết *tông*. *Tông* là hình thức nhận bạn đồng canh, coi nhau như anh chị em ruột trong nhà.

#### \* Môi trường hát sli, lượn

Trong xã hội truyền thống, *Sli* thường được hát vào dịp hội hè, tết nhất, và vào buổi tối, ban đêm. Vào các đêm *sli*, tiếng hát vang vọng trên các ngã đường của mọi phiên chợ, đầy ắp những căn nhà mừng nhà mới, mỗi đêm khuya khách vào bản, tung bừng trong những ngày hội xuân. Tha thiết ấm nồng mừng mùa gặt trên khắp mọi cánh đồng, trên nương và những nhịp lao động, vào những đêm trăng tháng tám, nhất là đêm rằm. *Sli* ở sân khấu ngoài trời cơ bản chỉ có hình thức đối đáp giữa hai người, khi trai gái mới gặp nhau ở chợ, ở ngày hội, ở dọc đường, có thể từng tốp từng đoàn nam nữ đối đáp với nhau, nhưng đó chỉ là lúc đầu. Đó là giai đoạn thăm dò, ướm thử... để đi đến từng "đôi người". Chỉ trong một thời gian không lâu họ sẽ chọn được một người

cùng trò chuyện, tâm tình bằng *Sli*.

Tục hát *Sli* ở sân khấu nhà sàn thì phức tạp hơn. Có hình thức đối đáp giữa đôi người, có hình thức đối đáp tập thể, có hình thức nối tiếp ca. Trong tất cả các hình thức diễn xướng của *Sli* có hình thức diễn xướng của *Sli* Hà Lều, còn gọi là Lượn Hà Lều. *Sli* Hà Lều có hình thức hòa âm giữa nam và nữ hoặc nhiều nam nhiều nữ cùng hòa âm, cùng đối đáp. *Sli* Hà Lều còn có một hình thức đặc biệt nữa là khi tiến hành *Sli* hai bên đều bịt tai. Người đang *Sli* tự bịt tai mình để tự nghe cái âm hưởng đặc biệt, tiếng *Sli* của chính mình vang trong tâm hồn mình gây nên một cảm giác thích thú đặc biệt. Khi đô nam nữ hát *sli* đã đến *mức bịt tai* đó cũng là dấu hiệu của tình yêu đôi lứa đã được đánh thức, được bắt đầu, đó thường là mở đầu cho cuộc sống hạnh phúc của nhiều cặp vợ chồng người Nùng sau này.

#### \* Các thể loại *Sli* chính

*Sli* của mỗi vùng, mỗi nhóm Nùng thường có giai điệu, cấu trúc khác nhau. Nhưng thông thường *sli* mỗi bài đều có từ hai đến bốn câu, mỗi câu 5 đến 7 từ, gieo vần giữa câu hoặc cuối câu. Tuy thế, mỗi loại có một số khác biệt riêng. Các hình thức *sli* chính: *Lượn Ngạn*; *Lượn Phủ*; *Sli Giang*; *Hèo phừn* (*lượn* Nùng An). Đó là bốn hình thức *sli* phổ biến trong dân ca Nùng ở Cao Bằng. Những nghi thức tổ chức sinh hoạt *sli* ở mỗi địa phương khác nhau chút ít, các làn điệu lại khác nhau nhiều hơn. Hình tượng thơ cũng biến đổi ở từng địa phương. Tuy có những nét riêng, nhưng *sli* căn bản giống nhau về chức năng giao tiếp và về giá trị nghệ thuật.

Người Ngạn sống tập trung ở một số bản thuộc ba huyện Trà Lĩnh, Quảng Uyên, Quảng Hòa. *Sli* Ngạn thường có bốn câu như *Lượn Nùng An*. Mỗi câu năm tiếng, gieo vần cuối câu trước và bất kỳ tiếng nào ở câu tiếp, song thường vào tiếng thứ ba. Thỉnh thoảng lại gặp khúc có sáu câu, kiểu biến tấu; hoặc giả lại có câu mở đầu chỉ ba tiếng. Khi bên nam hát theo thể nào thì bên nữ sẽ đáp theo thể đó. Đa phần *sli* là hát giao duyên, song trong *sli* Ngạn còn đề cập đến nhiều chủ đề: phổ biến kiến thức thời tiết, nông lịch: *sli ri*, *sli cườn*; chuyện làm nhà, mừng nhà mới: *sli làn mó*; chúc lên lão: *sli páu slau*; ứng xử, xã giao: *Sli chao...*; Loại tức cảnh, du hí: *Sli* tháng giêng, tháng ba, chơi thuyền; Luyện võ, chiến trận: *Sli* quyền, lượn slác;... Xưa kia, mỗi khi xuân đến, thanh niên các bản người Ngạn tổ chức hội *Co Mu* để lượn ba bốn ngày đêm, theo thể giao lưu chân kiềng giữa ba huyện Hòa An, Quảng Uyên, Trà Lĩnh...

- *Sli* Ngạn chủ yếu là lời ca của bên nam, nữ dựa vào lời ca của bên nam mà ứng tác. *Sli* Ngạn hát đôi giọng cao, giọng thấp. giọng cao lĩnh xướng, đến trước từ cuối mỗi câu đầu, đệm đoạn hư từ: ơ hơ, ơ hớ, giọng thấp tiếp vào xoắn xuýt nâng đỡ nhau. Bên nam hát hết bốn câu, bên nữ không phải nối vần, dựa theo thứ bên nam, lựa lời đáp lại.

Nam: Mác mận rắp (*Quả mận chát*); Đáy hạp bo đáy hai (*Có ương chẳng có chín*); Lục me búc slăm lải (*Con gái vốn đa tâm*); Cải hám lạp bo táo (*Sớm gả nhanh biệt dang*);

Nữ: Mác mận rắp (*Quả mận chát*); So

hám lạp sịp slí (*Đợi chín qua tháng bảy*); Sloong hổi bo liềng li (*Bọn em không lanh lợi*); So hám slí sịp pỉ (*Đợi gả qua bốn mươi*);...

Mở đầu đêm *sli lượn* thường có khúc hát mào đầu của nam giới. Hai bên bàn bạc, sắp đặt để có một hai thanh nữ bên chủ kết bạn với bè bên nữ khách. Khi hát dạo đầu được một vài khúc ca, hai thanh nữ bên chủ sẽ chủ động hát đáp lại, rồi khéo léo dần đẩy, lôi kéo để bên bạn vào cuộc. Tùy hoàn cảnh, thời gian, địa điểm khi hát dạo đầu họ thường sử dụng những khúc hát tương đối quen thuộc với tất cả mọi người.

- *Sli phủ* (*Hà Lều*) thường quen gọi là *Hà Lều* là lối hát có âm thanh ngân dài ở cuối câu hát: *hà lều hêu đai hà đoi!* Thể loại dân ca này vốn của người Nùng lòi, gốc ở Hạ Lôi (Quảng Tây, Trung Quốc ngày nay), hiện nay phổ biến ở vùng các huyện Hạ Lang, Trùng Khánh, Trà Lĩnh, Quảng Uyên, Phục Hòa và một phần huyện Hòa An. *Sli phủ* có thể xưa kia là thể loại dùng để hát ở các phủ, hoặc nơi đô hội, chốn đông người. *Sli phủ* thường được diễn xướng theo lối nam nữ đối đáp (*báo xao*), một bè giọng kim (cao), một bên giọng trầm. Khi diễn xướng, người hát thường dùng tay bịt một bên tai để tập trung nghe giọng hát của bè bên kia, nhằm tìm cách hòa thanh hợp lý nhất. Dạo đầu khúc hát thường bằng một hơi dài *i i i i*, như để lấy hơi vút cao, hao hao như *ve kim* cất tiếng vào đêm hè khuya khoắt. Hai giọng kim, tầm tuy không trùng nhau, nhưng lại xoắn xuýt nâng đỡ nhau đến tận cuối khúc ca. Hết một khúc, nghỉ lấy hơi chút xíu, ứng tác ca từ cho

khúc tiếp theo, cứ thế lượn thâu đêm. *Sli phủ* ứng tác tại chỗ, thường mỗi lời ứng tác chỉ gồm hai câu, mỗi câu bảy từ, câu trên có từ kết thúc vần bằng, câu dưới có từ kết thúc vần trắc. Từ cuối câu trên gieo vần xuống từ thứ năm câu dưới. Người hát sau cần lắng nghe bên bạn hát để lấy vần cuối của họ, làm cơ sở gieo vần cho khúc hát ứng tác bên mình.

*Sli phủ* ứng tác phải hợp cảnh, hợp tình, chỉ xướng lời mà không kể hoàn cảnh xuất xứ. Đặc điểm dễ nhận thấy của lối *Sli phủ* là nói hát cạnh, hát kháy buộc đối tác không thể không tức thì đáp lại. *Sli phủ* có hai thể. Thể thông thường hai câu, mười bốn tiếng và thể *lượn lặn, lượn tặc*, có láy đi láy lại, thường bốn câu, câu một năm từ, câu hai ba từ, câu ba ba từ, câu bốn bảy từ. Tùy trình độ người hát xử lý, khi kết xuôi tai, ngọt giọng là được. *Sli phủ* thường được diễn xướng theo hai cách: *lượn pài* và *lượn khính*. *Lượn pài* thường hát xuôi, dựa theo bài bản có sẵn, bên tung bên hứng, có thể gặp những câu mượt mà, tinh tú, nhưng không góc cạnh. *Lượn khính* là lối hát tranh luận, đua tài sử dụng ngôn từ, và thường để lại những câu hát không thể quên được trong dân gian: ... *Kỷ bươn cán việc rầy riếc nà; Thàng rì nấy công kia nào rưởng (Mấy tháng qua bận việc nương việc đồng; Dịp này mới thông dong đôi chút..)*. Hoặc: ...*Rủp nả căn sloong bượng sùng bàn; Điệp căn ràu te an rừ đẫy? (Gặp nhau đôi bên cùng trao đổi; Thương nhau ta định đoạt sao đây?); ... Sloong pi nấy đóc va te phông; Mí hẩu lán lông tâm đai cháu (Hai năm nay hoa nở rộ nhiều; Đừng để rụng xuống đất hoài phí.);...*

- *Sli Giang* và *Sli La Hôi* của hai nhóm Nùng Giang và Nùng La Hôi ở khu vực dọc biên giới Việt-Trung (huyện Trùng Khánh, Trà Lĩnh, Hà Quảng, Phục Hòa). Những khúc hát đồng quê được người Nùng khu vực này gọi là *sli*, và họ không gọi là *lượn*. Có lẽ vì các câu hát dựa theo dạng thơ cổ, bốn câu ba vần, tuy không chặt chẽ lắm. Một số nhà nghiên cứu âm nhạc cho rằng hát đôi, có giọng cao, giọng thấp là đặc điểm của *sli Nùng*. Song *Sli Giang* và *sli La Hôi* có lời ca gần như giống nhau, nhưng *sli Giang* hát đôi, *La Hôi* lại chỉ hát đơn, cách thức gieo vần cũng có khác nhau đôi chút. *Sli Giang*: bốn câu ba vần; từ cuối câu một, câu hai, câu bốn cùng vần bằng; từ cuối câu ba vần trắc và gieo vào từ thứ tư câu cuối: ... *Bioóc li, bioóc mận cấp bioóc mòi; Xuân mà phong phao khớp nả đôi; Mạt mềng tím va bin nhạc nhay; Thào dèn búng nầy lọ búng tòi (Hoa mơ, hoa mận với hoa lê; Khắp đôi nở trắng đón xuân về; Ong bướm từng đàn bay chấp chới; Cảnh đầu khác với Đào Nguyên kia.)...*

- *Hèo phưn* (*Sli Nùng An*) của nhóm Nùng An ở Cao Bằng xưa kia sống ven sông Hữu Giang thuộc huyện Long An (Trung Quốc), di cư sang Cao Bằng từ thế kỷ XVI, thời nhà Mạc. *Hèo phưn* hoặc gọi *lượn* của Nùng An là thể loại dành cho hát đôi. Người Nùng An không chỉ *hèo phưn* giao duyên, mà còn *hèo phưn* khi mừng nhà mới, chúc thọ,... Họ là người rất thực tế, nên ca từ của *hèo phưn* thường tương đối mộc mạc. *Hèo phưn* Nùng An hiện nay còn tồn tại tương đối phổ biến ở khu vực Quảng Uyên, Cao Bằng.

## Một vài nhận xét ban đầu

*Sli, lượn* là các thể loại dân ca rất phổ biến, độc đáo và vô cùng quý giá của người Nùng ở Cao Bằng nói chung và ở Việt Nam nói chung. Không ai là người Nùng mà lại không biết *sli, lượn* và lại không yêu, không thích *sli, lượn*. Đây là các làn điệu dân ca cổ truyền, có nội dung ca từ phong phú, bao hàm mọi khía cạnh của cuộc sống. Xem xét các khúc *sli, lượn* có thể thấy nội dung của chúng chứa đựng mọi phong cách giao tiếp lịch thiệp, nếp sống nhún nhường, thân thiện, thích kết bạn, thích làm quen; phương châm sống vì mọi người, sống hướng thiện;... và trong đó còn chứa đựng cả kho tàng tri thức dân gian của người Nùng về vũ trụ quan, nhân sinh quan rất quý giá đối với hậu thế ngày nay và mai sau;...Cung cách diễn xướng của *sli, lượn* Nùng tương đối đơn giản, không cầu kỳ,... nên dễ học, dễ làm theo. Vì thế mà ít thấy người Nùng nào lại không biết *sli, lượn*. Ngoài các hoạt động giao tiếp truyền thống khác, *sli, lượn* là môi trường giao tiếp đặc biệt hữu hiệu trong củng cố khối đoàn kết tộc người, thúc đẩy phát triển xã hội ở vùng người Nùng. Không những thế, *sli, lượn* còn hàm chứa các giá trị văn học, nghệ thuật đáng trân trọng và cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng.

Cùng với công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, dân ca Nùng cũng có những thay đổi nhất định cả về nội dung và hình thức diễn xướng. Hiện nay, phần lớn các bài *sli, lượn* mà xưa kia được ghi chép bằng chữ nôm Nùng đều đã được ghi lại bằng chữ Quốc ngữ. Các làn điệu cũng

đã có phần phong phú hơn xưa. Tuy vậy, những nét rất riêng của *sli, lượn* Nùng vẫn được gìn giữ khá nguyên vẹn. Tuy thích hát nhạc mới, nhưng thanh niên người Nùng vẫn không quên kho tàng dân ca đồ sộ mà cha ông họ để lại cho hậu thế.

Để gìn giữ và khai thác các giá trị của *sli, lượn*, ngoài các giải pháp kinh tế - xã hội, nâng cao tri thức và hiểu biết cho người Nùng về kho tàng văn hóa của họ,... đã và đang được thực hiện cần đầu tư xây dựng, phát triển các mô hình làng văn hóa, du lịch văn hóa ở vùng người Nùng tại Cao Bằng. Đó chính là môi trường tồn tại và phát triển ưu việt nhất của hát *sli, lượn* trong bối cảnh hiện nay./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Bình, *Tập quán mùu sinh của các dân tộc thiểu số ở Đông Bắc Việt Nam*, NXB Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, 2005.
2. Nông Minh Châu, Vi Quốc Bảo, *Dân ca đám cưới Tày-Nùng*, NXB Việt Bắc, Thái Nguyên, 1962.
3. Vi Hồng, *Sli dân ca trữ tình Nùng*, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1979.
4. Hoàng Nam, *Văn hóa các dân tộc vùng đông bắc Việt Nam*, Trường đại học Văn Hóa Hà Nội, 2004.
5. Hoàng Thị Quỳnh Nha, *Sli hát đôi của người Nùng Cao Bằng*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2003.
6. Vi Hồng Nhân, *Văn hóa các tộc người từ một góc nhìn*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2004.
7. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, *Địa chí Cao Bằng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
8. Viện dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.